

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2023/HS-ST
Ngày: 25-10- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Hải

2. Bà Nguyễn Thị Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Duyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D - Sinh ngày 20/4/1988, tại phường B, thị xã N, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố Th, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc Ch - Sinh năm 1964 và bà: Nguyễn Thị D - Sinh năm 1966; Có chồng: Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1986; Có 02 con; lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Tại bản án số 192/2022/HSST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt 19 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 22 năm tù.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ 28/3/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Nghi Sơn, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

Anh Nguyễn Văn Th - Sinh năm: 1972 (có mặt)

Chị Nguyễn Thị Nh – Sinh năm: 1974 (có mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Th, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

** Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1986 (vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị H - Sinh năm 1970, (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Th, phường H, thị xã N, Thanh Hóa

NỘI D VU ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị D là lao động tự do tại địa phương; do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên D đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin giả mạo về việc có đất đấu thầu tại khu giải phóng mặt bằng thuộc tổ dân phố Thanh Đông, phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa muốn bán để lừa đảo, chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh Nguyễn Văn Th , chị Nguyễn Thị Nh ở cùng tổ dân phố, cụ thể như sau:

Tháng 6 năm 2018, Nguyễn Thị D đến gặp và nói với vợ chồng anh Th , chị Nh , D có một mảnh đất đấu thầu có diện tích 110m² tại khu giải phóng mặt bằng thuộc tổ dân phố Thanh Đông, phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn muốn bán. Sau đó, D và vợ chồng anh Th , chị Nh thỏa thuận mua bán mảnh đất trên với giá 650.000.000 đồng. Sau khi thống nhất giá cả, vợ chồng anh Th đặt cọc trước cho D 50.000.000 đồng, D về nhà viết 01 tờ phiếu thu ghi tên cơ quan phát hành là UBND phường Bình Minh, ghi thu số tiền 50.000.000 đồng, bên dưới đóng dấu màu đỏ hình chữ nhật bên trong có hàng chữ "KẾ TOÁN LÊ THỊ CHÂU ĐÃ THU TIỀN" và đưa cho vợ chồng anh Th để làm tin. Đến ngày 30/5/2019, D tiếp tục đến nhà anh Th yêu cầu vợ chồng anh Th đưa thêm cho D 50.000.000 đồng nữa, anh Th, chị Nh đồng ý. Sau khi nhận tiền, D về nhà viết 01 tờ phiếu thu tương tự như tờ phiếu thứ nhất nhưng ghi số tiền thu 100.000.000 đồng mang đến đưa cho vợ chồng anh Th và bảo vợ chồng anh Th đưa lại tờ phiếu thu 50.000.000 đồng trước đó. Sau đó, D đưa anh Th đến khu giải phóng mặt bằng thuộc tổ dân phố Thanh Đông, phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn rồi chỉ cho anh Th xem một mảnh đất (*D không biết là đất của ai*), D nói đây là mảnh đất đã nhận đặt cọc và bán cho vợ chồng anh Th . Đến ngày 20/6/2020, D đưa cho vợ chồng anh Th 01 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Nh , bên dưới có chữ ký và ghi tên, chức danh người ký cấp là ông Phạm Văn Nhiệm - Phó Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn, đóng dấu màu đỏ ghi dòng chữ "ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN TỈNH THANH HÓA" nhưng chỉ đề năm 2020, không có ngày tháng cấp. Sau đó, theo yêu cầu của D, vợ chồng anh Th đưa

thêm cho D số tiền 250.000.000 đồng, D về nhà viết thêm 01 tờ phiếu thu tương tự 02 tờ phiếu trước nhưng ghi số tiền thu là 250.000.000 đồng, bên dưới tờ phiếu có ghi thêm nội D "*Phiếu thu lần hai 100.000.000 đồng, Tổng cộng 350.000.000 đồng*". Đến ngày 22/6/2020, D đưa tờ phiếu thu này cho vợ chồng anh Th và lấy lại tờ phiếu thu 100.000.000 đồng đã đưa trước đó. Khoảng tháng 7/2020, D đến gặp vợ chồng anh Th lấy lại tờ phiếu thu lần 3 và tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà D đã đưa cho vợ chồng anh Th trước đó, nói dối là để làm thủ tục công chứng. Do tin tưởng D nên vợ chồng anh Th đưa lại các tài liệu trên cho Dung, tuy nhiên trước khi đưa lại các tờ phiếu thu lần 2, lần 3 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D thì anh Th có sử dụng điện thoại chụp ảnh lại. Đến ngày 22/6/2021, anh Th phát hiện có người đang xây dựng nhà trên mảnh đất mà D bán cho mình nên đã gọi điện thoại hỏi Dung, thì D trả lời "*Họ xây nhầm lên, mai cháu nói địa chính dẫn chú lên xây*". Lúc này, biết hành vi của mình đã bị phát hiện nên D nói dối với chồng là Nguyễn Văn Q và chị Phạm Thị H (là chị em dâu với D) về việc D có nợ vợ chồng anh Th số tiền 350.000.000 đồng. Sau đó, anh Quang, chị Huệ và D cùng đến nhà anh Th nói chuyện về khoản nợ trên. Đến ngày 23/6/2021 D cùng với chồng đến nhà anh Th viết 01 tờ giấy nhận tiền đặt cọc đất ghi số tiền 350.000.000 đồng, đề lùi ngày 21/6/2021 và D hẹn sẽ trả tiền cho vợ chồng anh Th vào cuối tháng 12/2021. Tuy nhiên, ngày 29/6/2021 D bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa bắt về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dung, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã thu giữ được con dấu và nhiều tài liệu có liên quan khác.

Xác minh về nguồn gốc các tờ phiếu thu và tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà D đã đưa cho vợ chồng anh Th, chị Nh để làm tin, quá trình điều tra D khai các tờ phiếu thu là D lấy từ quyển phiếu thu in sẵn mẫu mua ở hiệu sách sau đó viết các thông tin như đã nêu trên vào tờ phiếu thu, rồi sử dụng con dấu giả hình chữ nhật có in dòng chữ "**KẾ TOÁN LÊ THỊ CHÂU ĐÃ THU TIỀN**" để làm giả phiếu thu tiền đất của UBND phường Bình Minh, do kế toán của phường là chị Lê Thị Châu thu; còn con dấu giả và tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là D đặt mua trên mạng theo thông tin D cung cấp. Những tờ phiếu thu và tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này, D sau đó đã đem đốt bỏ khi thấy hành vi của mình bị vợ chồng anh Th phát giác, còn con dấu giả thì đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khám xét, thu giữ vào ngày 29/6/2022.

Xét thấy, ngoài hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh Th, chị Nh, thì D còn có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nên ngày 25/8/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghi Sơn đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội làm giả con dấu,

tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra, xử lý theo quy định. Tuy nhiên, do thời hạn điều tra sắp hết, không đủ thời gian thể điều tra, làm rõ và xử lý hành vi này của D trong cùng một vụ án, vì vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Nghi Sơn ra Quyết định tách vụ án hình sự làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức để điều tra, xử lý bằng vụ án khác và kết thúc điều tra đề nghị truy tố đối với D về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn Quang (*là chồng của Nguyễn Thị Dung*), đã có hành vi cùng với D viết 01 tờ giấy nhận tiền đặt cọc tiền đất 350.000.000 đồng cho vợ chồng anh Th, tuy nhiên mục đích anh Quang viết là để D có thêm thời gian trả nợ, mặt khác thời điểm viết giấy nhận tiền đặt cọc đất thì hành vi của D đã bị phát hiện và quá trình D thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh Th trước đó, anh Quang không biết và cũng không được hưởng lợi ích gì, do đó anh Q không phạm tội.

Đối với chị Phạm Thị H (*là chị em dâu với Dung*), đã có hành vi cùng D và anh Q đến nhà anh Th để hỏi về khoản nợ. Tuy nhiên, mục đích của chị H là đến hỏi vợ chồng anh Th xem có đúng là D nợ vợ chồng anh Th hay không và chị H cũng chỉ biết D có nợ vợ chồng anh Th số tiền trên vì liên quan đến việc mua bán đất, việc D thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì chị H không biết, cũng không được hưởng lợi gì, nên chị H không phạm tội.

Về vật chứng vụ án:

- Quá trình điều tra Nguyễn Thị D khai 03 tờ phiếu thu và 01 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả D đã đốt bỏ khi hành vi D bị vợ chồng anh Th phát giác nên không thu giữ được.

- Đối với con dấu có khắc dòng chữ “KẾ TOÁN LÊ THỊ CHÂU ĐÃ THU TIỀN” mà D sử dụng đóng lên 03 tờ phiếu thu tiền thì cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của D vào ngày 29/6/2022. Sau khi tiến hành giám định xác định con dấu này là giả và đã được xử lý trong bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Nh yêu cầu D bồi thường số tiền 350.000.000 đồng đã chiếm đoạt, tuy nhiên đến nay D chưa thực hiện việc bồi thường.

Bản cáo trạng số 107/CT-VKSNS-HS ngày 18/9/2023 của VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

*** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:**

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với bị cáo là từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù. Tổng hợp với 22 năm tù tại án số 192/2022/HSST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù được

tính từ ngày 26/6/2021 (tạm giữ, tạm giam của bản án số 192/2022/HSST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- Về trách xử lý vật chứng: Đã được giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải trả lại cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Nh 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) vì đây là số tiền mà D đã lừa bán đất cho anh Th và chị Nh đã tiêu sài cá nhân hết.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm công khai hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay có đủ căn cứ để khẳng định VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án: Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên vào khoảng từ đầu tháng 6/2018 đến ngày 20/6/2020, Nguyễn Thị D đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin giả mạo về việc có mảnh đất đấu thầu tại khu giải phóng mặt bằng thuộc tổ dân phố Thanh Đông, phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa muốn bán cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Nh ở tổ dân phố Th, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, đồng thời để vợ chồng anh Th tin tưởng

giao tiền, D đã đặt làm trên mạng con dấu và tài liệu giả là các tờ phiếu thu tiền đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua đó lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh Th, chị Nh số tiền 350.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải có đường lối xử lý nghiêm tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Nguyễn Thị D là phụ nữ, đáng lẽ bị cáo phải tự mình lao động để tạo nguồn thu nhập cho cuộc sống của mình và gia đình, nhưng do lười biếng, không chịu tu dưỡng rèn luyện, muốn hưởng thụ mà lại không chịu lao động nên bị cáo đã sớm bước chân vào con đường phạm tội. Trong khoảng thời gian ngắn bị cáo dùng thủ đoạn gian dối đưa thông tin giả mạo về việc có mảnh đất đầu thầu tại khu giải phóng mặt bằng thuộc tổ dân phố Thanh Đông, phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, để tạo niềm tin chi anh Th và chị Nh D đã đặt làm trên mạng con dấu và tài liệu giả là các tờ phiếu thu tiền đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán đất cho anh Th và chị Nh không phải đất của mình nhằm chiếm đoạt của vợ chồng anh Th, chị Nh số tiền 350.000.000 đồng.

Trong vụ án này bị cáo phạm tội với tình tiết định khung là "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng...*" được quy định tại điểm a khoản 3 của Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài hành vi bị xét xử lần này thì bị cáo còn bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử 22 năm tù (19 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"). Do đó nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo một thời gian với mức án nghiêm khắc mới đủ điều kiện để cải tạo và giáo dục bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ đó là: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Nhưng bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 đó là phạm tội nhiều lần.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra Nguyễn Thị D khai 03 tờ phiếu thu và 01 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả D đã đốt bỏ khi hành vi D bị vợ chồng anh Th phát giác nên không thu giữ được nên HĐXX không xem xét;

- Đối với con dấu có khắc dòng chữ "KẾ TOÁN LÊ THỊ CHÂU ĐÃ THU TIỀN" mà D sử dụng đóng lên 03 tờ phiếu thu tiền thì cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của D vào

ngày 29/6/2022. Sau khi tiến hành giám định xác định con dấu này là giả và đã được xử lý trong bản án hình sự sơ thẩm số 192/2022/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải trả lại cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Nh 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) vì đây là số tiền mà D đã lừa bán đất cho anh Th và chị Nh đã tiêu sài cá nhân hết

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện tại đang phải đi chấp hành án với mức án dài. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Thị D 08 (tám) năm tù. Tổng hợp với 22 năm tù tại bản án số 192/2022/HSST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2021 (ngày tạm giữ, tạm giam của bản án số 192/2022/HSST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

- **Về trách nhiệm dân** Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải trả lại cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị Nh 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) vì đây là số tiền mà D đã lừa bán đất cho anh Th và chị Nh đã tiêu sài cá nhân hết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Án phí và quyền kháng cáo:** Áp dụng các điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000đ án phí HSST và 17.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và bị hại tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng

Lê Văn Tấn

Lê Thị Hạnh